CÁC CẤU TRÚC NÂNG CAO

CHỦ ĐỀ 1: SO SÁNH VỚI THE SAME AS, SIMILAR TO VÀ DIFFERENT FROM

A. Lý thuyết

- **The same as**: dùng để so sánh người/ vật giống hệt nhau:

S + V/ be + the same + (N) + as + O

Example: Her book is the same as mine. (mine = my book)
He is the same age as my brother.

- **Similar to**: dùng để so sánh người/ vật có nét tương đồng nhưng không giống hệt nhau:

S + be + similiar to + O

Example: This color is similar to that one. (that one = that color)

- **Different from**: dùng để so sánh người/ vật khác nhau:

S +be + different from + O

Example: An apple is different from an orange.

B. Bài tập vận dụng

Exercise 1: Viết lại câu sử dụng cấu trúc so sánh "the same ... as"và danh từ trong ngoặc:

1. My sister is 165cm tall. I am 165cm tall. (height)

→……

2.Jim loves reading books. Tom loves reading books. (hobby)

→……

2. I am 11 years old. My best friend is 11 years old. (age)

→……

3. My pen is black. His pen is black. (color)

→……

4. This river is about 100km long. That river is also about 100km long. (length)

→……

5. This picture costs 100,000 dollar. That picture costs 100,000 dollar. (price)

→……

6. My brother is interested in Math. My sister is also interested in Math. (subject)

→……

7. Class 5A has 40 students. Class 5B has 40 students. (number of students)

→……

8. Anne buys the red dress. Elsa also buys the red one. (dress)

→……

9. I study at Tran Hung Dao school. My sister studies at Tran Hung Dao school. (school)

→……

LIVEWORKSHEETS

Exercise 2: Viết lại câu với cấu trúc "different from" sao cho nghĩa của câu không thay đổi:

1. My house is big. Your house is small.

→……

2. My favorite color is blue. His favorite color is black.

→……

3. Life in the countryside is quiet. Life in the city is noisy.

→……

4. My dream is to become a teacher. His dream is to become a singer.

→……

5. My hobby is collecting stamps. My brother's hobby is playing the piano.

→……

6. Lan's school is Hai Ba Trung School. Hue's school is Nguyen Hue School.

→……

7. He has blue eyes. His mother has brown eyes.

→……

8. Her hair is long and black. My hair is short and wavy.

→……

9. My father is 40 years old. My mother is 39 years old.

→……

10. Today the weather is sunny. Yesterday the weather was rainy.

→……

Exercise 3: Sắp xếp từ cho sẵn thành câu hoàn chỉnh:

1. color/ hair's/ similar/ Her/ mine/ is/ to/ .

→……

2. new/ not/ car/ similar/ My/ old/ is/ to/ one/ my/ .

→……

3. best/ Hoa/ personality/ is/ ./ my/ my/ similar/ personality/ friend/ Her/ to/ is/.

→……

4. Hanoi/ weather/ Ho Chi Minh/ The/ is/ not/ in/ weather/ to/ city/ similar/ in/ the/ .

→……

5. similar/ salary/ is/ husband's/ My/ to/ mine/.

→……

LIVEWORKSHEETS

6. in/ not/ future/ Life/ to/ at/ is/ the/ life/ similar/ present/ .

→.....

7. writing/ Tom's/ teacher's/ similar/ is/ his/ writing/ style/ to/ style.

→.....\

8. flavor/ similar/ apple/ The/ of/ to/ not/ that/ is/ this/ flavor/ one/ the/ of/.

→.....

9. appearance/ My/ mine/ brother's/ to/ younger/ is/ similar.

→.....

10. piano/ is/ Playing/ not/ to/ guitar/ similar/ playing/.

→.....

LIVEWORKSHEETS